BTVN: CHỮA ĐỀ THI THỬ ĐGNL ĐHSP HÀ NỘI – ĐỀ 1 (CÓ LỜI GIẢI CHI TIẾT)
MÔN: NGỮ VĂN 12
BIÊN SOẠN: BAN BIÊN TẬP TUYENSINH 247

MỤC TIÊU

✓ *Vận dụng kiến thức, kỹ năng để thực hành làm bài thi.*

Phần I. *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Đối với mỗi câu, thi sinh chỉ chọn một phương án.*

I.1. (ID: 798638) ***Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 1 đến 10***

VĂN BẢN 1

(1) AI và những chân trời mới tiếp cận bằng AI đang mở ra trước mắt chúng ta. Trước đây, giới hạn của tâm trí con người đã hạn chế khả năng tổng hợp và phân tích dữ liệu, lọc và xử lí tin tức, các cuộc đối thoại cũng như tương tác xã hội trong địa hạt kĩ thuật số. AI giúp chúng ta làm chủ các địa hạt này một cách hiệu quả hơn. Nó tìm kiếm thông tin và xác định những xu hướng mà các thuật toán truyền thống không thể - hoặc ít nhất là không thực hiện hiệu quả và dễ dàng bằng.

Khi làm như vậy, nó không chỉ mở rộng thực tại vật lí mà còn cho phép mở rộng và tổ chức thế giới kĩ thuật số đang ngày càng phát triển.

(2) Tuy nhiên, cùng lúc đó, AI cũng đang thực hiện một phép trừ. Nó đẩy nhanh những động lực làm xói mòn lí trí của con người khi chúng ta bắt đầu hiểu về nó: mạng xã hội, vốn làm suy giảm không gian dành cho việc suy nghĩ, và tìm kiếm trực tuyến, vốn làm suy giảm động lực cho việc khái niệm hoá. Nếu các thuật toán tiền AI rất giỏi trong việc cung cấp những nội dung "gây nghiện" cho con người thì AI phải gọi là xuất sắc. Khi việc đọc sâu và phân tích sụt giảm, các phần thưởng truyền thống cho việc thực hiện các quy trình này cũng sẽ nhỏ đi.

(3) Nhân loại lúc nào cũng sẽ có ba lựa chọn chính: hạn chế AI, cộng tác với nó hoặc tuân theo nó.

Ba lựa chọn này sẽ xác định việc ứng dụng AI cho các nhiệm vụ hoặc lĩnh vực cụ thể, phản ánh các khía cạnh triết học cũng như thực tiễn. Ví dụ, trong các trường hợp khẩn cấp trên máy bay và

xe hơi, một phi công phụ AI nên tuân theo một phi công con người hay ngược lại? Đối với mỗi ứng dụng, con người sẽ phải vạch ra một đường lối hành động; trong một số trường hợp, đường lối hành động này sẽ tiến hoá, vì các năng lực của AI và các giao thức của con người để kiểm tra kết quả của AI cũng sẽ tiến hoá. Đôi khi, con người nên tuân theo AI - nếu AI có thể phát hiện ung thư vú trong một nhũ ảnh sớm hơn và chính xác hơn con người thì việc sử dụng nó sẽ cứu mạng được nhiều người. Đôi khi, cộng tác với Al sẽ là lựa chọn tối ưu, như trong các phương tiện tự hành vốn hoạt động tương tự như hệ thống lái tự động của máy bay ngày nay. Tuy nhiên, trong những trường hợp khác như trong bối cảnh quân sự, các hạn chế nghiêm ngặt, được xác định rõ ràng và được hiểu rõ, sẽ rất quan trọng.

(Theo Henry A.Kissinger, Eric Schmidt, Daniel Huttenlocher, *Thời đại AI và tương lai loài người chúng ta,* Mai Chí Trung dịch, NXB Trẻ, 2023, tr.183-185)

Câu 1: Những thao tác nghị luận chính nào sau đây được sử dụng trong đoạn (3)?

A. Phân tích, chứng minh. **B.** Bình luận, so sánh.

C. Giải thích, bình luận. **D.** So sánh, phân tích.

Câu 2: Vấn đề nghị luận trong văn bản được triển khai theo trình tự nào sau đây?

A. Vai trò của Al; tác động kép của Al; cơ sở lựa chọn công cụ AI.

B. Tiềm năng của Al; hạn chế của AI; những hệ luỵ khi lạm dụng AI.

C. Lợi ích của Al; tác động tiêu cực của AI; định hướng sử dụng AI.

D. Triển vọng của AI; AI và con người; AI và các khía cạnh triết học.

Câu 3: Trong đoạn (2), cụm từ "các phần thưởng truyền thống" chỉ điều gì sau đây?

A. Các giải thưởng cao trong những cuộc thi truyền thống.

B. Các thành tích xuất sắc trong đọc sâu và phân tích.

C. Các nội dung hấp dẫn thu được từ quy trình phân tích.

D. Các lợi ích đạt được từ hoạt động tư duy trừu tượng.

Câu 4: Khả năng nào sau đây của AI giúp mở rộng và tổ chức thế giới kĩ thuật số?

A. Tiếp cận những giới hạn của tâm trí con người.

B. Lọc và xử lí các tương tác trong xã hội thực tại.

C. Tăng tốc độ và hiệu quả xử lí dữ liệu thông tin.

D. Thực hiện dễ dàng các thuật toán truyền thống.

Câu 5: Trong đoạn (3), thông tin "*các năng lực của AI và các giao thức của con người để kiểm tra kết quả của AI cũng sẽ tiến hoá*" hỗ trợ làm rõ mục đích nào sau đây?

A. Đánh giá hiệu suất của AI khi sử dụng trong các phương tiện tự hành.

B. Xác định các hạn chế nghiêm ngặt khi sử dụng Al ở bối cảnh đặc thù.

C. Khuyến nghị quan điểm mỡ và linh hoạt khi lựa chọn sử dụng AI.

D. Đề xuất lĩnh vực mà AI cung cấp kết quả chính xác hơn con người.

I.2. (ID: 798644) ***Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 6 đến 10***

VĂN BẢN 2

Năm Quốc tế Du hành Vũ trụ (2011) đã kết thúc, một số chuyên gia về vũ trụ đánh giá rằng, khối lượng rác trên quỹ đạo gần Trái Đất đã đạt tới mức báo động. Trên quỹ đạo gần Trái Đất hiện nay có hơn **16.000** vật thể có nguồn gốc nhân tạo. Trong số này có **3.000** vệ tinh đang hoặc không hoạt động, hơn **12.000** tầng động cơ, khối và mảnh vụn tên lửa đẩy. Số lượng những vật thể kích thước bé hơn, từ 1 - 10 cm, theo ước tính khác nhau, vào khoảng **200.000 - 600.000**. Những loại rác nhỏ hơn nữa được giới chuyên gia cho là lên tới hàng chục triệu.

Yếu tố duy nhất cứu vùng không gian gần Trái Đất tránh khỏi nguy cơ hoàn toàn trở thành bãi rác thải là những mảnh vụn đang bay ở độ cao dưới 600 km, sau một thời gian, sẽ cháy trong khí quyển. Nhưng ở quỹ đạo 800 km và cao hơn, các vật thể sẽ lơ lửng tồn tại tới vài thập kỉ. Đã xảy ra không ít trường hợp mảnh vụn

làm vô hiệu hoá vệ tinh truyền thông và định vị. Trạm Không gian Quốc tế (ISS) hàng trăm lần phải đổi đường bay để tránh va chạm với các mảnh vụn vô chủ

Giải phóng không gian vũ trụ khỏi các đối tượng rác thải là vấn đề rất cấp bách và đang được nhiều nước nghiên cứu phương án thực hiện. Cơ quan Không gian Nhật Bản dự định sử dụng lưới đánh cá để làm sạch vũ trụ. Những chiếc lưới khổng lồ được đề xuất đưa lên một vệ tinh trên quỹ đạo. Tấm lưới vài ki-lô-mét tung ra nhờ bộ điều khiển đặc biệt, sau khi hoàn thành nhiệm vụ, lưới tự động tháo gỡ khỏi vệ tinh. Các mảnh vụn thu thập được sẽ cùng lưới lọt vào bầu khí quyển để được thiêu huỷ hoàn toàn.

Hãng tin Ruvr cho rằng, đến thời điểm này, phương tiện vạn năng đối phó với rác thải không gian vẫn chưa ra đời. Điều an ủi duy nhất là, theo các nhà khoa học, xác suất thống kê mảnh vụn rơi xuống Trái Đất hoặc va chạm thiết bị vũ trụ rất không đáng kể. Với đà gia tăng hoạt động trong vũ trụ hiện nay của con người, khả năng rác vũ trụ rơi xuống Trái Đất ngày càng nhiều là điều không tránh khỏi.

(Theo Almanach - *Những nền văn minh thế giới*, NXB Hồng Đức, 2018, tr.2325-2326)

Câu 6: Nhận định nào sau đây phù hợp với quan điểm của tác giả trong văn bản?

A. Việc xử lí rác vũ trụ chưa cấp thiết vì rác ở độ cao dưới 600 km sẽ tự thiêu huỷ trong khí quyển.

B. Việc xử lí rác vũ trụ cần được quan tâm ngay vì hoạt động khám phá vũ trụ đang phát triển mạnh.

C. Việc xử lí rác vũ trụ bất khả thi vì phương tiện vạn năng đối phó với rác vũ trụ vẫn chưa ra đời.

D. Việc xử lí rác vũ trụ không đáng lo vì xác suất thống kê rác rơi xuống Trái Đất không đáng kể.

Câu 7: Hình minh hoạ trong văn bản trực quan hoá thông tin nào sau đây về rác vũ trụ?

A. Số lượng và vị trí của rác vũ trụ.

B. Sự hình thành và thiêu huỷ của rác vũ trụ.

C. Hình dạng và độ cao của rác vũ trụ.

D. Đường bay và hướng bay của rác vũ trụ.

Câu 8: Phương án nào sau đây nêu đúng trật tự tổ chức thông tin trong văn bản?

A. Nguyên nhân - Kết quả - Biện pháp - Liên hệ

B. Thực trạng - Tác hại - Giải pháp - Cảnh báo

C. Nêu vấn đề - Minh hoạ - Giải quyết vấn đề - Khuyến nghị

D. Hiện trạng - Nguyên nhân - Hậu quả - Giải pháp

Câu 9: Các số liệu được in đậm trong văn bản có tác dụng làm rõ cho thông tin nào sau dãy"

A. Số lượng rác vũ trụ trên bề mặt Trái Đất đã nhiều đến mức báo động.

B. Sự đa dạng của các loại vật thể nhân tạo trên quỹ đạo gần Trái Đất.

C. Tổng số lượng rác vũ trụ từ tên lửa nhiều hơn rác vũ trụ từ vệ tinh.

D. Lượng rác vũ trụ trên không gian gần Trái Đất đã tới mức cảnh báo.

Câu 10: Rác vũ trụ trên quỹ đạo gần Trái Đất có thể gây ra những nguy cơ nào sau đây?

A. Nguy cơ làm chệch hướng thiết bị vũ trụ; va chạm với tên lửa đẩy; cháy và toả nhiệt làm nóng khí quyển Trái Đất.

B. Nguy cơ tự phân mảnh thành vật thể kích thước nhỏ; biến trạm không gian thành bãi rác thải; va chạm với Trái Đất.

C. Nguy cơ khiến vệ tinh truyền thông và định vị ngừng hoạt động; va chạm với trạm không gian; rơi xuống Trái Đất.

D. Nguy cơ vô hiệu hoá hoạt động của vệ tinh, tầng động cơ của trạm không gian; thay đổi quỹ đạo quay của Trái Đất

Phần 2: Viết nghị luận xã hội

Câu 1: (ID: 798650 - VDC)

luôn có đủ thời gian
cho những điều ta yêu

(nhược lạc, trích *luôn đủ*, in trong *cơm nhà nói chung là êm*, NXB Thế Giới – Công ty Văn hoá và Truyền thông Nhã Nam, 2024, tr.154)

Anh/Chị có đồng ý với quan điểm trên không? Hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ ý kiến của anh/chị.

Phần 3: Viết nghị luận văn học

Câu 1: (ID: 798651 - VDC) Hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) phân tích bài thơ sau:

Đối thoại

Thành phố bây giờ ít tiếng chim
Người bận củi tìm trên mặt đất
Mấy ai ngẩng lên và lắng nghe.

Hiệu sách bây giờ ngại bản thơ
Suốt ngày tất tả ai mơ mộng
Hoa chẳng còn thơm đến bất ngờ.

Thành phố còn ai ngồi ghế đã
Lặng nhìn trăng rộng phía hồ xa
Còn ai mỗi bận cây thay lá
Nghe lòng xao xác dưới chân qua.

Kìa lắng cành xanh rơi tiếng chim
Tay ai lật sách giữa phòng im
Có chỉ xao xuyến. Hương hoa bưởi
vẫn ngát như ngày anh biết em.

(Vũ Quần Phương, *Giấy mênh mông trắng*, NXB Văn học, 2003, tr.37-38)

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

Phần I. *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Đối với mỗi câu, thi sinh chỉ chọn một phương án.*

I.1. ***Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 1 đến 10***

Câu 1:

Phương pháp: Căn cứ vào các thao tác lập luận đã học.

Cách giải:

- Trong đoạn (3), tác giả chủ yếu phân tích ba lựa chọn chính mà con người có thể thực hiện đối với AI: hạn chế, cộng tác, hoặc tuân theo. Sau khi nêu ba lựa chọn đó, tác giả tiếp tục chứng minh cho từng lựa chọn bằng các ví dụ cụ thể trong thực tiễn (máy bay, xe hơi, y tế, phương tiện tự hành, quân sự).

+ Phân tích: Tác giả chia nhỏ vấn đề thành ba lựa chọn cụ thể, mỗi lựa chọn được mô tả, mổ xẻ ý nghĩa và điều kiện đi kèm.

+ Chứng minh: Đưa ra dẫn chứng cụ thể để củng cố cho các lựa chọn, như AI phát hiện ung thư vú, hệ thống lái tự động, ứng dụng trong quân sự...

- Phân tích, loại trừ:

+ Đáp án B sai vì không thấy có sự bình luận mang tính cảm nhận cá nhân hay so sánh trực tiếp giữa các phương án.

+ Đáp án C sai vì tác giả không dừng lại ở việc giải thích khái niệm hay hiện tượng, mà đi sâu vào phân tích và đưa ví dụ.

+ Đáp án D sai vì so sánh giữa các lựa chọn không phải là thao tác nổi bật hay chủ đạo.

Đáp án: A

Câu 2:

Phương pháp: Căn cứ vào trình tự nội dung văn bản.

Cách giải:

- Văn bản được chia thành ba đoạn với trình tự phát triển rõ ràng:

(1) Lợi ích của AI

+ AI mở ra chân trời mới.

+ Vượt qua giới hạn trí tuệ con người trong phân tích dữ liệu, tìm kiếm thông tin.

+ Mở rộng và tổ chức thế giới kỹ thuật số.

➞ Đây là phần nói về lợi ích, tiềm năng tích cực của AI.

(2) Tác động tiêu cực của AI

+ AI làm xói mòn lí trí con người.

+ Làm suy giảm khả năng đọc sâu, phân tích, khái niệm hoá.

+ Tăng tốc độ lan truyền các nội dung "gây nghiện".

➞ Đây là phần đề cập đến mặt trái, hệ luỵ tiêu cực khi lạm dụng AI.

(3) Định hướng sử dụng AI

+ Ba lựa chọn: hạn chế, cộng tác, tuân theo AI.

+ Tùy vào lĩnh vực mà lựa chọn ứng xử với AI khác nhau (y tế, quân sự, giao thông...).

➞ Đây là phần đưa ra định hướng, giải pháp ứng xử với AI một cách hợp lý.

- Phân tích, loại trừ:

+ Đáp án A sai vì đoạn 3 không bàn nhiều về "công cụ", mà về định hướng hành động.

+ Đáp án B sai vì đoạn 3 không nói về hệ luỵ, mà là giải pháp/định hướng.

+ Đáp án D sai vì không phản ánh trình tự rõ như phương án C, và cũng mơ hồ hơn.

Đáp án: C

Câu 3:

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung đoạn (2) và câu chứa cụm từ

Cách giải:

- Trong đoạn (2), câu văn có cụm từ "các phần thưởng truyền thống" là: "*Khi việc đọc sâu và phân tích sụt giảm, các phần thưởng truyền thống cho việc thực hiện các quy trình này cũng sẽ nhỏ đi.*" Ở đây, "quy trình này" chính là việc đọc sâu và phân tích – những hoạt động đòi hỏi tư duy trừu tượng, khái niệm hoá, phân tích lý trí.

=> "Phần thưởng truyền thống" không phải là phần thưởng vật chất hay giải thưởng, mà là những lợi ích về mặt trí tuệ và tinh thần, như:

+ Hiểu biết sâu sắc hơn,

+ Tư duy phức tạp hơn,

+ Khả năng khái niệm hóa, phản biện...

➞ Vì vậy, phương án D là đúng nhất.

- Phân tích, loại trừ:

+ Đáp án A sai vì câu văn không nói gì về giải thưởng trong các cuộc thi.

+ Đáp án B sai vì thành tích không được đề cập, và "đọc sâu" là một hoạt động, không phải điều "đạt được".

+ Đáp án C sai vì các "nội dung hấp dẫn" là đặc điểm của AI tạo ra, không phải "phần thưởng truyền thống" trong văn cảnh này.

Đáp án: D

Câu 4:

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung toàn văn bản

Cách giải:

- Trong đoạn (1), văn bản viết: "*AI giúp chúng ta làm chủ các địa hạt này một cách hiệu quả hơn. Nó tìm kiếm thông tin và xác định những xu hướng mà các thuật toán truyền thống không thể – hoặc ít nhất là không thực hiện hiệu quả và dễ dàng bằng.*"

Và kết luận: "*Nó không chỉ mở rộng thực tại vật lí mà còn cho phép mở rộng và tổ chức thế giới kĩ thuật số đang ngày càng phát triển.*"

➞ Như vậy, chính khả năng xử lý dữ liệu hiệu quả và nhanh chóng của AI – cụ thể là tìm kiếm thông tin, lọc, phân tích, xác định xu hướng – là yếu tố then chốt giúp mở rộng và tổ chức thế giới kỹ thuật số.

- Phân tích, loại trừ:

+ Đáp án A sai vì AI vượt qua giới hạn đó, không phải "tiếp cận".

+ Đáp án B sai vì văn bản nói đến địa hạt kỹ thuật số, không phải xã hội thực tại.

+ Đáp án D sai vì AI vượt trội hơn các thuật toán truyền thống, chứ không chỉ "thực hiện" lại chúng.

Đáp án: C

Câu 5:

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung đoạn (3).

Cách giải:

- Câu văn trong đoạn (3) là: "*...trong một số trường hợp, đường lối hành động này sẽ tiến hoá, vì các năng lực của AI và các giao thức của con người để kiểm tra kết quả của AI cũng sẽ tiến hoá.*" Tức là: việc con người lựa chọn hành động thế nào với AI (tuân theo, cộng tác, hay hạn chế) sẽ thay đổi linh hoạt theo thời gian, khi:

+ Năng lực AI ngày càng phát triển,

+ Con người cũng có khả năng kiểm tra và điều chỉnh tốt hơn.

→ Do đó, câu này ủng hộ một quan điểm mở, linh hoạt, không cứng nhắc trong cách ứng xử với AI.

- Phân tích, loại trừ:

+ Đáp án A sai vì đoạn văn không nói riêng gì về phương tiện tự hành, và câu này không đánh giá hiệu suất AI.

+ Đáp án B sai vì "hạn chế nghiêm ngặt" chỉ được nói sau đó trong bối cảnh quân sự, không liên quan trực tiếp đến câu có từ "tiến hoá".

+ Đáp án D sai vì đề xuất AI trong chẩn đoán ung thư là một ví dụ cụ thể khác, không liên quan đến câu hỏi này.

Đáp án: C

I.2. ***Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 6 đến 10***

Câu 6:

Phương pháp: Đọc hiểu – Nhận diện quan điểm tác giả

Cách giải:

- Văn bản nêu rõ: "Khối lượng rác trên quỹ đạo gần Trái Đất đã đạt tới mức báo động" và "với đà gia tăng hoạt động trong vũ trụ hiện nay… khả năng rác vũ trụ rơi xuống Trái Đất ngày càng nhiều là điều không tránh khỏi."

→ Cho thấy việc xử lý rác vũ trụ là vấn đề cấp bách và đang được quan tâm nghiêm túc.

→ Do đó, đáp án B (việc xử lý rác vũ trụ cần được quan tâm ngay vì hoạt động khám phá vũ trụ đang phát triển mạnh) là phù hợp nhất.

- Các phương án A, C, D tuy đúng một phần nhưng không phản ánh đầy đủ quan điểm toàn văn như phương án B.

Đáp án: B

Câu 7:

Phương pháp: Quan sát hình ảnh – Liên hệ ngữ cảnh

Cách giải:

- Hình minh hoạ cho thấy rất nhiều vật thể bay xung quanh Trái Đất, tạo thành các quỹ đạo dày đặc.

→ Điều này phù hợp với phương án A: "Số lượng và vị trí của rác vũ trụ."

- Các phương án B, C, D không thể hiện đầy đủ hoặc rõ ràng qua hình ảnh:

B: không thấy mô tả quá trình hình thành và thiêu hủy.

C: "hình dạng và độ cao" là chi tiết cụ thể nhưng không phải trọng tâm hình ảnh.

D: "đường bay và hướng quay" không được thể hiện trực quan bằng A.

Đáp án: A

Câu 8:

Phương pháp: Nhận diện cấu trúc văn bản nghị luận

Cách giải:

- Văn bản được triển khai theo trình tự rõ ràng:

+ Thực trạng: Rác vũ trụ gia tăng, số liệu cụ thể.

+ Tác hại: Có thể làm tê liệt hoạt động vệ tinh, biến không gian thành bãi rác.

+ Giải pháp: Các nước nghiên cứu dùng lưới dọn rác, tiêu hủy trong khí quyển.

+ Cảnh báo: Rủi ro ngày càng lớn, phương tiện xử lý vẫn chưa hoàn thiện.

→ Đáp án B là chính xác: Thực trạng – Tác hại – Giải pháp – Cảnh báo.

Đáp án: B

Câu 9:

Phương pháp: Đọc hiểu – Nhận diện vai trò của số liệu

Cách giải:

- Văn bản đưa nhiều số liệu như: "16.000 vật thể", "3.000 vệ tinh", "12.000 tầng đẩy", "200.000 – 600.000 vật thể nhỏ"…

→ Mục đích là để chứng minh: lượng rác vũ trụ quanh Trái Đất đã tới mức cảnh báo

→ Phù hợp với đáp án D.

- Các phương án còn lại:

A: sai phạm vì nói "trên bề mặt Trái Đất"

B: văn bản không nhấn mạnh sự đa dạng bằng số lượng

C: không có thông tin so sánh "rác tên lửa nhiều hơn rác vệ tinh".

Đáp án: D

Câu 10:

Phương pháp: Đọc hiểu – Rút thông tin

Cách giải:

- Văn bản viết:

"Đã xảy ra không ít trường hợp mảnh vụn làm vô hiệu hoá vệ tinh truyền thông và định vị."

"Trạm Không gian Quốc tế hàng trăm lần phải đổi đường bay để tránh va chạm..."

→ Những chi tiết này tương ứng với đáp án C: Nguy cơ khiến vệ tinh truyền thông và định vị ngừng hoạt động; va chạm với trạm không gian; rơi xuống Trái Đất.

- Các phương án còn lại: A, B, D: hoặc không được đề cập rõ ràng, hoặc suy diễn quá mức.

Đáp án: C

Phần 2: Viết nghị luận xã hội

Câu 1:

Phương pháp:

- Xác định đúng hướng: Nghị luận về một tư tưởng đạo lý.

- Luận đề: Luôn có đủ thời gian cho những điều ta yêu.

Cách giải:

Thể hiện được đầy đủ các nội dung:

(1) Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:

Ý kiến về quan điểm "*luôn có đủ thời gian/cho những điều ta yêu*".

(2) Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận.

Một số gợi ý về nội dung như sau:

- Giải thích và nêu ý kiến:

+ "luôn có đủ thời gian": khẳng định luôn đáp ứng được lượng thời gian cần thiết; "những điều ta yêu": con người, công việc, hoạt động, mang lại niềm vui, giá trị cho ta.

+ Nêu rõ đồng ý hay không đồng ý với quan điểm trên.

- Bàn luận:

* Phương án 1: Bàn luận để làm rõ ý kiến đồng ý

+ Nếu biết sắp xếp kế hoạch, phân loại công việc, ưu tiên những điều quan trọng thì "luôn có đủ" thời lượng mong muốn.

+ Nếu biết tập trung vào công việc; toàn tâm toàn ý với những người thân yêu; nỗ lực phát triển bản thân,...thì dù thời lượng

ngắn, ta vẫn tạo ra được khoảng thời gian ý nghĩa, có giá trị cao.

+ Nếu biết chủ động điều chỉnh, thích nghi với hoàn cảnh

biến động thì về tâm lí, ta vẫn luôn cảm thấy "đủ thời gian".

* Phương án 2: Bàn luận để làm rõ ý kiến không đồng ý

+ Hoàn cảnh khách quan như công việc, trách nhiệm xã hội, bất trắc nảy sinh,... khiến ta không chủ động được, không thể chắc chắn "luôn có đủ thời gian".

+ Tâm lí con người đã yêu điều gì thì luôn cảm thấy dành bao nhiêu thời gian cũng chưa "dừ".

+ Việc ý thức rằng có thể không "đủ thời gian" giúp ta biết quý thời gian, cố gắng nâng cao chất lượng sử dụng thời gian.

(3) Rút ra bài học:

Cần trang bị kĩ năng quản lí thời gian; cân bằng giữa những điều yêu thích và trách nhiệm.

(Lưu ý: Thí sinh có thể trình bày kết hợp cả 2 phương án trên hoặc có quan điểm riêng, miễn là lập luận thuyết phục).

Phần 3: Viết nghị luận văn học

Câu 2:

Phương pháp:

- Xác định đúng hướng: Nghị luận về một tác phẩm văn học.
- Đảm bảo đúng bố cục một bài văn nghị luận văn học.
- Lập luận rõ ràng, dẫn chứng cụ thể thuyết phục.

Cách giải:

Thể hiện đầy đủ các nội dung:

(1) Giới thiệu về tác giả Vũ Quần Phương, khái quát về bài thơ:

Bài thơ thể hiện những cảm xúc, suy tư của nhân vật trữ tình trước sự thay đổi của cuộc sống đô thị và con người hiện đại.

(2) Phân tích nội dung của bài thơ:

- Cảm xúc của nhân vật trữ tình trước sự đổi thay của thành phố:

+ Thành phố thiếu vắng hình ảnh thiên nhiên nên thơ (ít tiếng chim; hoa chẳng còn thơm); con người thành phố bận lo toan vật chất (bận cúi tìm trên mặt đất, suốt ngày tất tả), ít chú ý đến đời sống tinh thần (thờ ơ trước vẻ đẹp thiên nhiên; không quan tâm đến thơ ca; không dành những "khoảng lặng" để lắng nghe cảm xúc của mình,...).

+ Nhân vật trữ tình cảm thấy buồn, hoài niệm, tiếc nuối.

- Cảm xúc của nhân vật trữ tình khi phát hiện ra khoảng thi vị của thành phố:

+ Thành phố vẫn còn những khoảng không gian lãng mạn (cành xanh rơi tiếng chim), những con người theo đuổi giá trị tinh thần (tay ai lật sách).

+ Nhân vật trữ tình cảm thấy ngỡ ngàng, xúc động, hạnh phúc (Có chỉ xao xuyến. Hương hoa bưởi/vẫn ngát như ngày anh biết em).

- Những suy tư về cuộc sống và con người được gợi mở từ bài thơ:

+ Vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống, tâm hồn con người chưa từng mất đi mà chỉ bị cuộc sống vật chất xô bồ khuất lấp.

+ Con người cần có "khoảng lặng" để cân bằng cảm xúc, cảm nhận và thêm trân trọng những giá trị tinh thần.

- *(3) Phân tích nghệ thuật của bài thơ:*

- Bài thơ kết cấu theo mạch ngầm đối thoại:

+ Nhan đề "Đối thoại"

+ Nhân vật trữ tình "anh" tự đối thoại với chính mình, thể hiện quá trình "ngộ nhận" và "vỡ lẽ" về những điều mất - còn.

+ Nhiều cặp đối lập đan xen: không gian đô thị - không gian thiên nhiên; hiện tại - quá khứ; con người lo toan vật chất - con người lãng mạn, tinh tế;...

- Cách gieo vần, ngắt nhịp thơ linh hoạt; giọng điệu phù hợp mạch cảm xúc đi từ buồn đến vui.

- Các hình ảnh giản dị, giàu sức gợi.

- Ngôn từ giàu cảm xúc: từ ngữ cảm thán, đại từ phiếm chỉ, cấu trúc phủ định..; biện pháp tu từ phong phú: ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ,...

(4) Đánh giá chung về bài thơ:

- Bài thơ là tiếng nói trữ tình sâu lắng của Vũ Quần Phương, bộc lộ niềm tin yêu cuộc sống và mong muốn lưu giữ những vẻ đẹp bình dị mà đáng quý của thiên nhiên, cuộc sống, con người.

- Bài thơ thể hiện nét đặc sắc của thơ Vũ Quần Phương; giản dị, giàu cảm xúc, gợi suy tưởng và triết lí sâu sắc.

(Lưu ý: Thí sinh có thể triển khai mạch ý theo cách thức linh hoạt, miễn là phân tích được nội dung và nghệ thuật của bài thơ).